số các bộ môn đó thực chất là sinh y, một là công nghệ y tế, và một dành cho Y tế công cộng. Nhiều nhà khoa học của viện này là các nhà toán học, đồng thời một nhà thống kê toán học là giám đốc khoa học của toàn bộ INSERM từ 1982 đến 1996.

Cơ hội của Toán học trong Y tế công cộng tại Việt Nam

Nói chung:

- Các giảng viên Y tế công cộng cần được đào tạo một cách bài bản.

- Ở một số nước châu Âu nhiều người trong số họ ban đầu được đào tạo theo một ngành của các lĩnh vực rất đa dạng và khác hẳn ngành Y tế công cộng, sau đó mới chuyển qua Y tế công cộng.

Biết trước cấu trúc đặc thù và vai trò của Y tế công cộng, đây chắc chắn cũng là con đường mà qua đó các chuyên gia cao cấp trong Y tế công cộng nên được đào tạo tại Việt Nam:

- Ở bậc đại học bình thường đầu tiên được học một chuyên môn cơ bản, đó có thể chính là môn Y tế công cộng mà có thể nâng cấp lên trình độ cao hơn, song cũng có thể là một chuyên môn khác;

- Tiếp đó là chuyên môn hóa ở trong ngành Y tế công cộng.

Ta đã thấy rằng trong số các "chuyên môn khác" đó, toán học là chuyên môn rất phù hợp. Ta hãy nhìn vào sự nghiệp bình thường của một cán bộ ngành toán đã tốt nghiệp một trường đại học ở Việt Nam. Có vẻ như trừ việc có được vị trí nghiên cứu toán học cho một số ít ngoại lệ, họ sẽ trở thành giáo viên dạy toán trong trường phổ thông. Điều đó khá lạ, vì đâu đó trên thế giới cán bộ toán vẫn được săn lùng rất nhiều. Họ có nhiều lựa chọn giữa các vị trí trong công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, ngân hàng, bảo hiểm và các cơ quan kinh doanh khác, trong nghiên cứu, và tất nhiên trong Y tế công cộng. Ở Việt Nam cũng thế, có thể dễ dàng thu hút các cán bộ toán giỏi vào Y tế công cộng. Điều đó đồng thời sẽ mở rộng triển vọng thăng tiến cho các cán bộ ngành toán Việt Nam.

Đào tạo toán học tại các trường đại học Việt Nam có trình độ cao, là điều có thể hữu ích cho Y tế công cộng. Việc tập trung thêm vào các môn ứng dụng có thể đem lại hiệu quả. Nhân tiện, chuyển hướng dạy toán theo hướng ứng dụng cũng là điều nên làm trong các trường phổ thông. Để minh họa điều đó, hãy cho phép tôi mô tả công việc giảng dạy trước đây của chính mình tại trường Đại học Paris 5, nơi tôi đã về hưu năm 1998. Khoa toán của trường này ban đầu được thành lập định hướng cho các ngành nhân văn, nhưng sớm được mở rộng thành một khoa toán chung với quan điểm ứng dụng. Cùng với các học phần cơ sở nhấn mạnh tầm quan trọng của công cụ toán học trong ứng dụng, mỗi sinh viên phải chọn thêm một học phần nữa về một lĩnh vực ứng dụng cụ thể. Nhiều lĩnh vực ứng dụng như vậy đã được đề xuất. Từ 1986 đến 1998 tôi đã dạy một môn, là môn "Dịch tễ học và thử nghiệm lâm sàng". Đó là một học phần lớn, 6 giờ mỗi tuần trong suốt một năm học, một nửa lý thuyết và một nửa thực hành. Nửa sau chủ yếu bao gồm việc sinh viên trình bày các bài báo khoa học đã công bố. Luôn có quãng hơn chục sinh viên, phần lớn là nữ (một năm chỉ có toàn nữ!). Sau khi tốt nghiệp, tất cả sinh viên đó đều nhanh chóng có vị trí trong hệ thống y tế của Pháp.

Tổ chức lại việc tuyển dụng và công việc của giảng viên Y tế công cộng ở các trường đại học Việt Nam theo phác thảo trên đây có thể giúp nâng cao uy tín của ngành Y tế công cộng và của các đại diện của ngành này trong công chúng nói chung. Việc đó có thể đóng góp đáng kể cho việc nâng cao sức khỏe của nhân dân.□

Cách tốt hơn để có được một tổng quan về các thành phần khác nhau của Y tế công cộng là nhìn vào việc thực hành chúng. Bằng cách này ta có thể dẫn đến một cái giống như danh sách sau đây:
1. Dịch tễ học cơ sở;
2. Vệ sinh dịch tễ các bệnh truyền nhiễm;
3. Y tế môi trường bao gồm dịch tễ nghề nghiệp;
4. Dịch tễ dinh dưỡng;
5. Dịch tễ các bệnh không truyền nhiễm;
6. Giáo dục sức khỏe và truyền thông y tế;
7. Dân số học, y tế gia đình;
8. Các hệ thống y tế;
9. Quản trị y tế và kinh tế y tế bao gồm bảo hiểm y tế;
10. Dịch tễ xã hội;
11. Di truyền học dân cư;
12. Dịch tễ lâm sàng, dự phòng thứ cấp;
13. Nâng cao sức khỏe;
14. Đạo đức và luật trong Y tế công cộng.

Đoàn Trung Cường -
Viện Toán học *dịch*

Tia Sáng lược lại cho phù hợp với nội dung chuyên đề

Tài liệu tham khảo

1. Krickeberg, K., Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Bích: Health Education (song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh). Nhà Xuất bản Y học, Hà Nội 2014.
2. Krickeberg, K., Phạm Thị Mỹ Hạnh, Phạm Văn Trọng: Epidemiology - Key to Prevention. Springer, New York 2012. Phiên bản tiếng Việt: Dịch tễ học - Chìa khóa của dự phòng. Nhà Xuất bản Y học, Hà Nội 2014.
3. Krickeberg, K., Trần Trọng Khuê, Nguyễn Đức Thanh: Population Science and Public Health (song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh). Nhà Xuất bản Y học, Hà Nội 2014.
4. Krickeberg, K. et al: Mathematics and Statistics in the Health Sciences. Sắp xuất bản. Nhà Xuất bản Y học, Hà Nội.